



**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN-HÀ NỘI**

Số: 124 /2021/QĐ-TGD

Hà Nội, ngày 21 tháng 09 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Công bố danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS từ 22/09/2021)

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN-HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 74/2011/TT-BTC ngày 01 tháng 06 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán;
- Căn cứ thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thêm cổ phiếu AGR (sàn HSX) vào Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS từ ngày 22/09/2021.

Theo đó, Danh mục chứng khoán giao dịch ký quỹ tại SHS từ ngày 22/09/2021 bao gồm 398 mã chứng khoán (trong đó 289 mã chứng khoán sàn HSX và 109 mã chứng khoán sàn HNX) như Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 115/2021/QĐ-TGD ngày 07 tháng 09 năm 2021 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban có liên quan, các chi nhánh Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Đức Tiến**

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 22/09/2021

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
1	AAA		1	AAV
2	ABT		2	AMV
3	ACB		3	APS
4	ACC		4	ART
5	ADG		5	BCC
6	ADS		6	BNA
7	AGG		7	BPC
8	AGM		8	BTS
9	AGR		9	BVS
10	AMD		10	C69
11	ANV		11	CAP
12	APC		12	DHP
13	APG		13	DHT
14	APH		14	DNP
15	ASM		15	DP3
16	ASP		16	DS3
17	BBC		17	DTD
18	BCE		18	DXP
19	BCG		19	EID
20	BCM		20	GIC
21	BFC		21	GMX
22	BIC		22	HAT
23	BID		23	HCC
24	BKG		24	HDA
25	BMC		25	HHC
26	BMI		26	HJS
27	BMP		27	HLC
28	BRC		28	HLD
29	BSI		29	HMH
30	BTP		30	HOM
31	BWE		31	HTC
32	C32		32	HVT
33	C47		33	ICG
34	CAV		34	IDC
35	CCL		35	IDV
36	CDC		36	INN
37	CII		37	ITQ
38	CKG		38	KKC
39	CLC		39	KLF

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
40	CLL		40	L14
41	CMG		41	LAS
42	CMX		42	LHC
43	CNG		43	LIG
44	CRC		44	MBS
45	CRE		45	MVB
46	CSM		46	NAG
47	CSV		47	NBC
48	CTD		48	NDN
49	CTG		49	NDX
50	CTI		50	NET
51	CTS		51	NTP
52	CVT		52	NVB
53	D2D		53	ONE
54	DBC		54	PBP
55	DBD		55	PCE
56	DBT		56	PDB
57	DCL		57	PGS
58	DCM		58	PLC
59	DGC		59	PMC
60	DGW		60	PMS
61	DHA		61	PPS
62	DHC		62	PRE
63	DHG		63	PSD
64	DIG		64	PSE
65	DMC		65	PTI
66	DPG		66	PVC
67	DPM		67	PVG
68	DPR		68	PVI
69	DQC		69	PVS
70	DRC		70	QHD
71	DRH		71	RCL
72	DRL		72	S55
73	DSN		73	S99
74	DVP		74	SD5
75	EIB		75	SD6
76	ELC		76	SD9
77	EVE		77	SED
78	EVG		78	SFN



Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
79	FCM		79	SGC
80	FCN		80	SHB
81	FIR		81	SHN
82	FIT		82	SJE
83	FLC		83	SLS
84	FMC		84	TA9
85	FPT		85	TAR
86	FRT		86	TC6
87	FTS		87	TDN
88	GAS		88	TDT
89	GDT		89	THT
90	GEG		90	TIG
91	GEX		91	TNG
92	GIL		92	TPP
93	GMC		93	TTC
94	GMD		94	TTT
95	GSP		95	TVC
96	GVR		96	VC2
97	HAH		97	VC3
98	HAI		98	VC7
99	HAP		99	VCC
100	HAR		100	VCS
101	HAX		101	VGS
102	HBC		102	VIF
103	HCD		103	VIT
104	HCM		104	VMC
105	HDB		105	VNC
106	HDC		106	VNF
107	HDG		107	VNR
108	HHP		108	VTV
109	HHS		109	WCS
110	HII			
111	HPG			
112	HPX			
113	HQC			
114	HSG			
115	HSL			
116	HT1			
117	HTI			
118	HTL			
119	HTN			
120	HTV			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
121	HVH			
122	IBC			
123	ICT			
124	IDI			
125	IJC			
126	ILB			
127	IMP			
128	ITA			
129	ITC			
130	ITD			
131	KBC			
132	KDC			
133	KDH			
134	KHP			
135	KMR			
136	KPF			
137	KSB			
138	L10			
139	LBM			
140	LCG			
141	LDG			
142	LGC			
143	LHG			
144	LIX			
145	LPB			
146	LSS			
147	MBB			
148	MCP			
149	MSB			
150	MSH			
151	MSN			
152	MWG			
153	NAF			
154	NBB			
155	NCT			
156	NHA			
157	NKG			
158	NLG			
159	NNC			
160	NSC			
161	NT2			
162	NTL			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
247	TNC			
248	TNH			
249	TPB			
250	TPC			
251	TRA			
252	TRC			
253	TSC			
254	TTA			
255	TTB			
256	TV2			
257	TVS			
258	TVT			
259	TYA			
260	UIC			
261	VAF			
262	VCB			
263	VCG			
264	VCI			
265	VDP			
266	VDS			
267	VGC			
268	VHC			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
269	VHM			
270	VIB			
271	VIC			
272	VIP			
273	VIX			
274	VJC			
275	VMD			
276	VND			
277	VNE			
278	VNL			
279	VNM			
280	VPB			
281	VPG			
282	VPH			
283	VPI			
284	VRC			
285	VRE			
286	VSC			
287	VSH			
288	VSI			
289	VTO			

